TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2018/DS-ST.
Ngày: 22/10/ 2018.
"V/v: Tranh chấp về
hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vi Thị Tỵ
2. Bà Võ Thị Cảnh.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị H Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 22/10/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kbang, Toà án nhân dân huyện Kbang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 30/2018/TLST-DS ngày 18/6/2018. Về: ***"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-DS ngày 17/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST- DS ngày 04/10/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Phan Thanh K**, sinh năm 1972 và bà **Võ Thị H**, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Thôn s, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn*: **Anh Vũ Ngọc A,** sinh năm 1979 và chị **Nguyễn Đặng Nguyên T**, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Thôn s, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ông K, bà H có mặt tại phiên tòa.
Anh A và chị T đều vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Phan Thanh Khanh và bà Võ Thị H cùng trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết từ lâu với vợ chồng chị Nguyễn Đặng Nguyên T và Anh Vũ Ngọc A vì là người cùng thôn và thầy A, cô T dạy tại trường trên địa bàn cùng xã, nên vào ngày 29/10/2015 vợ chồng anh chị T-A có đến nhà ông - bà hỏi và được ông - bà cho vay số tiền là 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng)*, hai bên tự nguyện thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, việc thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo tháng. Khi vay chị T tự nguyện viết giấy vay tiền đề ngày 29/10 *(6/9 ÂL)* 2015, có nội dung: "Giấy vay tiền; Hôm nay ngày 29/10 (6/9 AL) 2015; tôi tên Nguyễn Đặng Nguyên T, chồng là Vũ Ngọc A, ở Thôn s, xã Đ; Nay tôi có vay của vợ chồng anh, chị H K 50.000.000 đồng (năm mươi triệu), lãi suất là 1%/tháng, trả

theo tháng; Đến tháng chạp trả 10.000.000 đồng (mười triệu); đến tháng 8/ 2016 trả hết cho anh chị". Chị T – anh A cùng vợ chồng ông – bà đều ký, ghi rõ họ tên vào Giấy vay tiền và giao lại Giấy vay tiền cho ông, bà giữ. Nay ông - bà đã cung cấp cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện.

Trong quá trình vay tiền, vào tháng 12/2015, chị T – anh A đã trả cho ông – bà được số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng).* Tuy nhiên, thời gian tiếp theo chị T – anh A đã không tiếp tục trả nợ lãi và cũng chưa trả nợ gốc cho ông – bà được, mặc dù ông - bà đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và cũng quá thời gian chị T- anh A hẹn trả nợ, nên ông - bà khởi kiện yêu cầu anh A - chị T trả số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/9/2016 đến ngày 01/6/2018 (33 tháng) là 40.000.000 đồng x 1%/ tháng x 33 tháng = 13.200.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông K - bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi anh A - chị T phải trả cho ông - bà số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng *(bốn mươi triệu đồng).* Đối với số tiền nợ lãi, do ông – bà xác định nhầm thời gian yêu cầu tính lãi nên ông - bà xin được điều chỉnh lại là từ ngày 01/01/2016 đến ngày 01/6/2018 là 29 tháng (ông-bà đã bổ sung tại bản tự khai ngày 20/8/2018) với số tiền lãi là: 40.000.000 đồng x 1%/ tháng x 29 tháng = 11.600.000 đồng; ông - bà xin được tiếp tục yêu cầu anh A-chị T thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ lãi được tính từ ngày 02/6/2018 đến ngày 22/10/2018 *(04 tháng 20 ngày =140 ngày)* là: 40.000.000 đồng x 1%/ tháng /30 ngày x 140 ngày = 1.866.666 đồng. Tổng cộng là 53. 466 .666 đồng (*năm mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*), gồm nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 13.466.666 đồng.

Nguyên đơn ông Phan Thanh K và bà Võ Thị H yêu cầu anh Vũ Ngọc A và chị Nguyễn Đặng Nguyên T phải trả cho ông - bà số tiền nợ là 53.466.666 đồng, gồm nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 13.466.666 đồng làm 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn còn yêu cầu: *Kể từ ngày của người được thi hành án là nguyên đơn ông Phan Thanh K và bà Võ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án là anh Vũ Ngọc A và chị Nguyễn Đặng Nguyên T thi hành án xong khoản tiền (40.000.000 đồng nợ gốc), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Đối với bị đơn anh Vũ Ngọc A và chị Nguyễn Đặng Nguyên T:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã ban hành các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn anh Vũ Ngọc A và chị Nguyễn Đặng Nguyên T đến Tòa án nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử tham gia tố tụng tại phiên tòa, để anh A - chị T thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, nhưng anh - chị đều vắng mặt, không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Mặc dù, tại các thời điểm Tòa án thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thì anh A - chị T đều có mặt tại nơi cư trú nhưng đều

từ chối nhận các văn bản tố tụng trên, không cung cấp chứng cứ, không trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, đồng thời xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn ông Phan Thanh K và bà Võ Thị H với bị đơn anh Vũ Ngọc A và chị Nguyễn Đặng Nguyên T là trA chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật vay tài sản, cụ thể là quan hệ giữa bên cho vay là ông K - bà H và bên vay là anh A - chị T. Quan hệ này được lập thành văn bản, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ. Ông K - bà H là chủ thể trong giao dịch có quyền lợi bị vi phạm nên được quyền khởi kiện. Điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo về nội dung, hình thức và thời hiệu khởi kiện nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, Gia Lai. Tòa án nhân dân huyện Kbang đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thông báo, tống đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập anh A - chị T đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, trình bày và đưa ra các chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nhưng anh A - chị T đều vắng mặt, không có lý do và đều không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự, thủ tục và thời hạn được Bộ luật tố tụng dân sự quy định và đã tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ vay tài sản giữa người cho vay là ông K - bà H và người vay là anh A - chị T được thực hiện giao kết hợp đồng dân sự là việc bên vay và bên cho vay cùng xác lập bằng 01 Giấy vay tiền, đề ngày 29/10/2015. Bản chính của Giấy vay tiền, nguyên đơn đã nộp cho Toà án làm chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Giấy vay tiền có nội dung: *"Giấy vay tiền; Hôm nay ngày 29/10 (6/9 AL) 2015; tôi tên Nguyễn Đặng Nguyên T, chồng là Vũ Ngọc A, ở Thôn s xã Đ; Nay tôi có vay của vợ chồng A, chị H K 50.000.000 đồng (năm mươi triệu), lãi suất là 1%/tháng, trả theo tháng; Đến tháng chạp trả 10.000.000 đồng (mười triệu); đến tháng 8/ 2016 trả hết cho anh chị" ; Người viết giấy; Ký ghi rõ họ tên Nguyễn Đặng Nguyên T, Vũ Ngọc A (ký hiệu của xuống dòng trong văn bản bằng:"**;**")*

Chứng cứ trên đã được HĐXX xem xét và xét thấy hoàn toàn phù hợp với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chứng cứ trên được HĐXX chấp nhận.

[3] Bản gốc Giấy vay tiền do nguyên đơn giao nộp, thể hiện: Số tiền bị đơn ghi đã vay là 50.000.000 đồng; nhưng đến tháng 12/2015 bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)*, tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả từ thời điểm vay đến hết tháng 12/2015.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi được tính từ ngày 01/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1%/ tháng của số tiền nợ gốc chưa trả. Cụ thể: Từ ngày 01/01/2016 đến ngày khởi kiện (ngày 01/6/2018) là 29 tháng : 40.000.000 đồng x 1%/ tháng x 29 tháng = 11.600.000 đồng. Từ ngày 02/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/10/2018) là 04 tháng 20 ngày = 140 ngày : 40.000.000 đồng x 1%/ tháng/30 ngày x 140 ngày = 1.866.666 đồng. Tổng cộng là 53.466.666 đồng; gồm nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 13.466.666 đồng.

HĐXX xét thấy, việc nguyên đơn thừa nhận bị đơn trả được số tiền 10.000.000 đồng nợ gốc, nên chỉ còn nợ gốc là 40.000.000 đồng, là phù hợp thực tế và đảm bảo quyền lợi cho bị đơn. Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ lãi được tính theo mức lãi suất 1%/ tháng như được hai bên thỏa thuận, với mức lãi suất 1%/ tháng cũng phù hợp với mức lãi suất được các Tổ chức tín dụng trên địa bàn huyện Kbang áp dụng cho vay, nên HĐXX xét thấy cần chấp nhận.

Bị đơn anh Vũ Ngọc A và chị Nguyễn Đặng Nguyên T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều có mặt tại nơi cư trú, nhưng đều từ chối nhận văn bản tố tụng, cố tình vắng mặt, không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ, không trực tiếp trình bày quan điểm của mình để chứng minh cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn, điều này đã mặc nhiên thể hiện việc bị đơn hiện vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền như đã ghi nhận trong giấy vay nợ mà bị đơn cùng ký, nhưng nay bị đơn chỉ phải trả số tiền nợ gốc mà nguyên đơn yêu cầu là 40.000.000 đồng *(bốn mươi triệu đồng)* và số tiền nợ lãi được nguyên đơn yêu cầu trả theo mức lãi suất 1%/ tháng mà hai bên đã thống nhất khi xác lập Giấy vay tiền.

Từ những phân tích như trên, căn cứ vào Điều 474, 476 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005, HĐXX cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thanh K và bà Võ Thị H, để buộc bị đơn anh Vũ Ngọc A và chị Nguyễn Đặng Nguyên T phải trả cho ông K - bà H số tiền là 53.466.666 đồng (*năm mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*), bao gồm, nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 13.466.666 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thanh K và bà Võ Thị H được chấp nhận toàn bộ nên ông K - bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho ông K - bà H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn anh Vũ Ngọc A và chị Nguyễn Đặng Nguyên T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn ông K - bà H là 53.466.666 đồng x 5% = 2.673.333 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 91; 93; 94; 95; 108 và khoản 3 Điều 144; khoản 1 và khoản 5 Điều 147; 227; 228; 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thanh K và bà Võ Thị H, buộc bị đơn anh Vũ Ngọc A và chị Nguyễn Đặng Nguyên T phải trả cho nguyên đơn ông Phan Thanh K và bà Võ Thị H số tiền là 53.466.666 đồng (*năm mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*), bao gồm, nợ gốc là 40.000.000 đồng và nợ lãi là 13.466.666 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án là ông Phan Thanh K và bà Võ Thị H hành án là anh Vũ Ngọc A và chị Nguyễn Đặng Nguyên T thi hành án xong khoản tiền *(nợ gốc 40.000.000 đồng)*, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn anh Vũ Ngọc A và chị Nguyễn Đặng Nguyên T phải chịu 2.673.333 đồng án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Phan Thanh K và bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.330.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0006509 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự (THADS) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với bị đơn anh Vũ Ngọc A và chị Nguyễn Đặng Nguyên T vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-TA tỉnh Gia Lai;
-VKS Kbang;
-THA Kbang;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐỖ THỊ LÀNH